TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 818/2022/DS-PT
Ngày: 23/12/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Trịnh Thị Ánh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6103/2022/QĐ-PT ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số 211 đường L, Phường E, Quận R, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tiến Đ, sinh năm 1986 Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2020) (vắng mặt).

Địa chỉ: 417/22 đường Q, phường Y, quận G, Thành phố H

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: 476/27B đường U, Phường I, Quận O, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Chính P, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 211 đường L, Phường E, Quận R, Thành phố H.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Nguyễn Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/3/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Q trình bày: Do ông Q có quen biết với Bà Nguyễn Thị T nên ngày 28 tháng 12 năm 2019 có cho bà T mượn số tiền là 2.100.000.000 đồng, không lãi suất. Theo thỏa thuận thì phía bà T sẽ hoàn trả cho ông Q số tiền nêu trên trong vòng 03 (ba) tháng. Đến ngày hẹn trả tiền, ông Q có gặp bà T để yêu cầu bà T trả tiền như đã cam kết nhưng bà thực hiện. Nay ông Q yêu cầu bà T phải trả số tiền là 2.100.000.000 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T xác nhận bà là người lập, ký tên và lăn tay trên giấy vay tiền ngày 28/12/2019. Hai bên làm giấy xác nhận ngày 28/12/2019 với số tiền 2.100.000.000 đồng là do thỏa thuận thống nhất các khoản nợ trước đó sẽ hủy để chốt lại số nợ cuối cùng là 2.100.000.000 đồng. Số tiền nợ 2.100.000.000 đồng là gồm tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (vay từ năm 2016 bằng giấy tay nhưng hiện nay không còn) và lãi chưa trả (tính từ tháng 4/201s6 là 1.300.000.000 đồng) và ngày 28/12/2019 có vay thêm 100.000.000 đồng. Bà T xác nhận cho đến nay chưa trả số tiền 2.100.000.000 đồng cho ông Q.

Bà T chỉ đồng ý trả tiền gốc 700.000.000 đồng cho ông Q vì từ năm 2016 đến năm 2020, đã trả số tiền lãi hơn 1.000.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Bùi Chính P trình bày: ông Q và bà P kết hôn từ năm 2012. Do ông Q có quen biết với bà T nên có cho bà T vay số tiền 2.100.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này là tiền riêng của ông Q, bà P không có đóng góp và không liên quan đến bà P. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà P không có ý kiến, không yêu cầu, không tranh chấp khoản tiền vay giữa ông Q, bà T.

Tại phiên toà sơ thẩm bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q. Vì từ năm 2016 đến năm 2020, bà T đã trả cho ông Q số tiền lãi hơn 1.000.000.000 đồng. Bà T xác nhận sau thời điểm lập Giấy ghi ngày 28/12/2019, ông Q có yêu cầu trả nợ nhưng do dịch COVID nên bà T không còn khả năng thanh toán.

Tại Bản án dân sự số 37/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 Tòa án nhân dân Quận 3 đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Q:

Buộc Bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ông Huỳnh Văn Q số tiền là 2.100.000.000 đồng theo Giấy tay ghi ngày 28/12/2019.

Kể từ ngày Ông Huỳnh Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bà Nguyễn Thị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ông Huỳnh Văn Q số tiền 37.000.000 đồng theo biên lai thu số 0032675 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, Bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía bị đơn Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T người kháng cáo trình bày: Bà đã trả tổng tiền lãi cho khoản nợ của ông Q là 1.300.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Thực tế giấy tờ bà xuất trình theo hồ sơ vụ án chỉ chứng minh việc trả lãi là 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Q trình bày: Các bên có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Tuy nhiên, bà T không thực hiện nghĩa vụ này. Ông xác nhận đã nhận tiền lãi từ bà T theo lời khai của bà T là 200.000.000 đồng.

Ông tự nguyện chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền 1.900.000.000 đồng.

Phía bà T đồng ý thanh toán cho ông Q 1.900.000.000 đồng, đề nghị trả thành 4 đợt trong thời hạn 1 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo kháng nghị trong thời hạn qui định của pháp luật

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện

thỏa thuận của các đương sự. Bà T có nghĩa vụ thanh toán số nợ 1.900.000.000 đồng cho ông Q, trả dần trong thời hạn 01 năm.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Tuyết, sửa bản án sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 12 tháng 8 năm 2022, Toà án nhân dân Quận 3 tuyên bản án số 37/2022/DS-ST. Ngày 08/8/2022, bị đơn Nguyễn Thị Tuyết kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại Quận 3. Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xem xét kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị T yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Căn cứ giấy ghi bằng tay ngày 28/12/2019 thể hiện nội dung Bà Nguyễn Thị T có mượn Ông Huỳnh Văn Q số tiền 100.000.000 đồng và xác nhận khoản nợ cũ là 2.000.000.000 đồng, tổng cộng tiền nợ là 2.100.000.000 đồng. Các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán và lãi suất

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà T xác nhận người lập, ký tên và lăn tay trên giấy ghi ngày 28/12/2019 là của bà.

Ông Q xác nhận bà T đã thanh toán cho ông số tiền lãi là 200.000.000 đồng. Ông đồng ý trừ khoản tiền này vào tiền gốc cho bà T và đồng ý cho bà T thanh toán số tiền nợ còn lại là 1.900.000.000 đồng. Ông Q đồng ý để bà T thanh toán cho ông theo 4 đợt như sau:

- Đợt 1 thanh toán 500.000.000 đồng vào tháng 01/2023;

- Đợt 2 thanh toán 500.000.000 đồng vào tháng 4/2023;

- Đợt 3 thanh toán 500.000.000 đồng vào tháng 8/2023;

- Đợt 4 thanh toán 400.000.000 đồng vào tháng 12/2023.

Xét thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kể từ ngày Ông Huỳnh Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bà Nguyễn Thị T còn phải chịu

thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Q được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí nhưng do thuộc diện người cao tuổi nên bà T được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cấp sơ thẩm Miễn án phí cho bà T là có căn cứ.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Q số tiền 37.000.000 đồng theo biên lai thu số 0032675 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Về án phí Dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ông Huỳnh Văn Q số tiền nợ còn thiếu là 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu) đồng, phương thức thanh toán như sau:

- Đợt 1 thanh toán 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng vào tháng 01/2023;

- Đợt 2 thanh toán 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng vào tháng 4/2023;

- Đợt 3 thanh toán 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng vào tháng 8/2023;

- Đợt 4 thanh toán 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng vào tháng 12/2023.

Kể từ ngày Ông Huỳnh Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bà Nguyễn Thị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Huỳnh Văn Q số tiền 37.000.000 đồng theo biên lai thu số 0032675 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huyền Phương